

Số: 1865/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1927/2026/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2026 về “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Ngô Thị Phương H, sinh năm 1985

Căn cước công dân số: XXXXXXXXXXXXX

Địa chỉ: L, Khu phố C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Võ Ngọc D, sinh năm 1977

Căn cước công dân số: YYYYYYYYYYYYYY

Địa chỉ: L, Khu phố C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 532, quyền số 3, ngày 11/12/2007 do Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Ngô Thị Phương H và ông Võ Ngọc D, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị Phương H và ông Võ Ngọc D là hợp pháp. Nay bà Ngô Thị Phương H và ông Võ Ngọc D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 318 ngày 22/10/2008 và Giấy khai sinh số 208/2014 ngày 07/7/2014 do Ủy ban nhân dân Phường I, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần lượt cho trẻ Võ Ngọc Minh C và trẻ Võ Ngọc Bảo C, có cơ sở xác định bà Ngô Thị Phương H và ông Võ Ngọc D có hai con chung tên Võ Ngọc Minh C, sinh ngày 11/10/2008 và Võ Ngọc Bảo C, sinh ngày 09/6/2014. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho mẹ là bà H trực tiếp nuôi dưỡng, bà H tự nguyện không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà Ngô Thị Phương H và ông Võ Ngọc D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Ngô Thị Phương H và ông Võ Ngọc D không có nợ chung.

[5] Xét thấy các đương sự thật sự tự nguyện ly hôn, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành vào ngày 21/5/2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Phương H và ông Võ Ngọc D thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 532, quyển số 3, ngày 11/12/2007 do Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, thành phố Đồng Nai) cấp cho bà Ngô Thị Phương H và ông Võ Ngọc D không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Ngô Thị Phương H và ông Võ Ngọc D có hai con chung tên Võ Ngọc Minh C, sinh ngày 11/10/2008 và Võ Ngọc Bảo C, sinh ngày 09/6/2014.

Giao hai con chung cho bà Ngô Thị Phương H trực tiếp nuôi dưỡng, bà Ngô Thị Phương H tự nguyện không yêu cầu ông Võ Ngọc D cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Ngô Thị Phương H và ông Võ Ngọc D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Ngô Thị Phương H và ông Võ Ngọc D không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Ngô Thị Phương H và ông Võ Ngọc D chịu nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021364 ngày 07/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ngô Thị Phương H và ông Võ Ngọc D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi thành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV5-TPHCM;
- THADS TPHCM;
- UBND xã X, TP. Đồng Nai;
- Dương sự;
- Lưu: HS, VT.

THẨM PHÁN

Phạm Lê Ninh